

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư giai đoạn 2017 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 6615

Ngày: .....

Chuyển: .....

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng với tổng số 89 dự án kèm theo Quyết định này.

(Kèm theo Danh mục)

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố Danh mục dự án theo quy định; trong đó lưu ý cung cấp các thông tin cần thiết về dự án (kể cả các chính sách ưu đãi đầu tư) để các nhà đầu tư tiếp cận, nghiên cứu đầu tư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở ngành tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Lưu: TH, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thành Trí**



## DANH MỤC

### DỰ ÁN ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2418** /QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

| TT         | Tên dự án                                                                        | Địa điểm đầu tư                     | Quy mô    |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------|
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>                                                      |                                     |           |
| 1          | Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp điện mặt trời                         | Phân trường Mỹ Phước                | 314,25 ha |
| 2          | Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp điện mặt trời                         | Phân trường Thạnh Trị               | 662,88 ha |
| 3          | Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao                                               | Phân Trường Phú Lợi                 | 786,45 ha |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp</b> |                                     |           |
| 1          | Cụm công nghiệp Vĩnh Châu                                                        | Phường 1, thị xã Vĩnh Châu          | 50 ha     |
| 2          | Cụm công nghiệp Sóc Trăng                                                        | Phường 8, thành phố Sóc Trăng       | 50 ha     |
| 3          | Cụm công nghiệp Ấp Nhì                                                           | Xã Châu Khánh, huyện Long Phú       | 50 ha     |
| 4          | Cụm công nghiệp Xây Đá B                                                         | Xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành    | 50 ha     |
| 5          | Cụm công nghiệp Ngã Năm                                                          | Phường 1, thị xã Ngã Năm            | 44,88 ha  |
| 6          | Cụm công nghiệp cái côn 1,2                                                      | Thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách | 81,03 ha  |
| 7          | Khu công nghiệp Mỹ Thanh                                                         | Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu       | 305 ha    |
| 8          | Khu công nghiệp Trần Đề                                                          | Thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề     | 157 ha    |
| 9          | Khu công nghiệp Đại Ngãi                                                         | Xã Long Đức, huyện Long Phú         | 250 ha    |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và xây dựng</b>                                  |                                     |           |

| TT | Tên dự án                                              | Địa điểm đầu tư                                                                                             | Quy mô  |
|----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Khu nhà hàng, khách sạn cao cấp                        | Đường Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng (Khu đất Khách sạn Khánh Hưng)                           | 0,9 ha  |
| 2  | Trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thương mại | Đường Trần Hưng Đạo, Phường 2, thành phố Sóc Trăng (Khu đất Quán Green)                                     | 0,96 ha |
| 3  | Trung tâm thương mại, dịch vụ                          | Đường Lê Duẩn, Phường 3, thành phố Sóc Trăng (Khu đất Bến xe khách)                                         | 01 ha   |
| 4  | Khu thương mại, dịch vụ                                | Đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng (Khu đất Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Sóc Trăng trước đây) | 01 ha   |
| 5  | Khu thương mại, dịch vụ                                | Đường Tôn Đức Thắng, Phường 5, thành phố Sóc Trăng (Khu đất chợ Nhâm Lăng)                                  | 1,4 ha  |
| 6  | Khu nhà ở thương mại                                   | Đường Lê Duẩn, Phường 3, thành phố Sóc Trăng (phía sau khu đất Bến xe khách)                                | 5,3 ha  |
| 7  | Khu nhà ở thương mại                                   | Thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách                                                                         | 03 ha   |
| 8  | Khu nhà ở thương mại                                   | Phường 1, thị xã Vĩnh Châu                                                                                  | 22,3 ha |
| 9  | Khu nhà ở thương mại                                   | Ấp Thạnh Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên                                                             | 0,7 ha  |
| 10 | Khu nhà ở thương mại                                   | Ấp Châu Thành, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên                                                            | 3,9 ha  |
| 11 | Khu chợ và nhà ở thương mại                            | Thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề (Khu thương mại kinh tế biển)                                               | 12 ha   |
| 12 | Khu chợ và nhà ở thương mại                            | Xã Tân Long, thị xã Ngã Năm                                                                                 | 1,2 ha  |
| 13 | Khu chợ và nhà ở thương mại                            | Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành                                                                       | 7,16 ha |
| 14 | Khu chợ và nhà ở thương mại                            | Xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên                                                                                 | 8,28 ha |

| TT                                   | Tên dự án                                     | Địa điểm đầu tư                              | Quy mô   |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------|
| 15                                   | Khu chợ và nhà ở thương mại                   | Thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung      | 04 ha    |
| 16                                   | Khu chợ và nhà ở thương mại                   | Thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú            | 28,67 ha |
| 17                                   | Khu chợ và nhà ở thương mại                   | Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú        | 3,6 ha   |
| 18                                   | Khu đô thị mới                                | Thị trấn Long Phú, huyện Long Phú            | 12,5 ha  |
| <b>IV Lĩnh vực du lịch</b>           |                                               |                                              |          |
| 1                                    | Khu du lịch biển, sinh thái Hồ Bể             | Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu                | 307 ha   |
| 2                                    | Khu du lịch sinh thái Mô Ó                    | Thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề              | 230 ha   |
| 3                                    | Khu sinh thái rừng ngập mặn                   | Xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung           | 76 ha    |
| 4                                    | Khu du lịch sinh thái - dịch vụ thương mại    | Phường 1, thị xã Vĩnh Châu                   | 22,78 ha |
| 5                                    | Khu Resort sinh thái                          | Phường 1, thị xã Vĩnh Châu                   | 25,44 ha |
| 6                                    | Khu văn hóa, du lịch                          | Phường 6, thành phố Sóc Trăng (Hồ Nước Ngọt) | 47 ha    |
| 7                                    | Khu sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp với sân golf | Xã Song Phụng, huyện Long Phú                | 79 ha    |
| 8                                    | Khu văn hóa tín ngưỡng Giếng Tiên             | Xã Phú Tân, huyện Châu Thành                 | 9,91ha   |
| 9                                    | Khu du lịch sinh thái vườn cò                 | Xã Gia Hòa 1, huyện Mỹ Xuyên                 | 20 ha    |
| <b>V Lĩnh vực giao thông vận tải</b> |                                               |                                              |          |
| 1                                    | Cảng Đại Ngãi                                 | Xã Long Đức, Huyện Long Phú                  |          |
| 2                                    | Cảng nước sâu Trần Đề                         | Ngoài khơi cửa Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng       |          |

| TT                                 | Tên dự án                                 | Địa điểm đầu tư                                                  | Quy mô                     |
|------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 3                                  | Xây dựng mới cầu Bún Tàu                  | Huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;<br>huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang |                            |
| 4                                  | Xây dựng Cầu, Bến phà Trà Ếch - Đường Đức | Xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách                                        |                            |
| 5                                  | Bến xe khách tỉnh Sóc Trăng               | Phường 2, thành phố Sóc Trăng                                    | 02 ha                      |
| <b>VI Lĩnh vực năng lượng sạch</b> |                                           |                                                                  |                            |
| 1                                  | Nhà máy điện gió số 1                     | Xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu                                     | 1.200 ha<br>(đất khảo sát) |
| 2                                  | Nhà máy điện gió số 2                     | Xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu                                    | 1.500 ha                   |
| 3                                  | Nhà máy điện gió số 3                     | Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu                              | 1.600 ha                   |
| 4                                  | Nhà máy điện gió số 4                     | Phường 1, Phường 2 và xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu               | 3.300 ha                   |
| 5                                  | Nhà máy điện gió số 6                     | Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu                                    | 1.000 ha                   |
| 6                                  | Nhà máy điện gió số 7                     | Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu                                    | 3.100 ha                   |
| 7                                  | Nhà máy điện gió số 8                     | Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu                                    | 1.000 ha                   |
| 8                                  | Nhà máy điện gió số 9                     | Xã Trung Bình, huyện Trần Đề                                     | 3.800 ha                   |
| 9                                  | Nhà máy điện gió số 10                    | Xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung                               | 3.800 ha                   |
| 10                                 | Nhà máy điện gió số 11                    | Xã An Thạnh Nam và An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung                 | 2.600 ha                   |
| 11                                 | Nhà máy điện gió số 12                    | Xã Vĩnh Hiệp, thị xã Vĩnh Châu                                   | 640 ha                     |
| 12                                 | Nhà máy điện gió số 13                    | Xã Vĩnh Hiệp, Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu                | 400 ha                     |
| 13                                 | Nhà máy điện gió số 14                    | Phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu                               | 500 ha                     |
| 14                                 | Nhà máy điện gió số 15                    | Phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu                               | 400 ha                     |

| TT                      | Tên dự án                 | Địa điểm đầu tư                                          | Quy mô               |
|-------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------|
| 15                      | Nhà máy điện gió số 16    | Phường Khánh Hòa, Phường 1, thị xã Vĩnh Châu             | 500 ha               |
| 16                      | Nhà máy điện gió số 17    | Phường Khánh Hòa, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu          | 800 ha               |
| 17                      | Nhà máy điện gió số 18    | Xã Lạc Hòa, Phường 2, Phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu | 1.500 ha             |
| 18                      | Nhà máy điện gió số 19    | Phường Khánh Hòa, xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu          | 1.200 ha             |
| 19                      | Nhà máy điện gió số 20    | Xã Lạc Hòa, Vĩnh Hải, Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu         | 2.000 ha             |
| 20                      | Nhà máy điện gió số 21    | Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu                            | 1.000 ha             |
| 21                      | Nhà máy điện gió số 22    | Xã Trung Bình và Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề          | 2.600 ha             |
| <b>VII Lĩnh vực chợ</b> |                           |                                                          |                      |
| 1                       | Chợ Bông Sen              | Đường Dã Tượng, Phường 6, thành phố Sóc Trăng            | 2.625 m <sup>2</sup> |
| 2                       | Chợ chuyên doanh nông sản | Xã An Thạnh Nhất, huyện Cù Lao Dung                      | 2.000 m <sup>2</sup> |
| 3                       | Chợ Bến Bạ                | Áp Chợ, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung          | 2.000 m <sup>2</sup> |
| 4                       | Chợ Rạch Tráng            | Áp An Nghiệp, xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung           | 4.000 m <sup>2</sup> |
| 5                       | Chợ đầu mối trái cây      | Xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách                             | 3.000 m <sup>2</sup> |
| 6                       | Chợ Mang Cá               | Xã Đại Hải, huyện Kế Sách                                | 1.293 m <sup>2</sup> |
| 7                       | Chợ Nhơn Mỹ               | Xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách                                | 1.217 m <sup>2</sup> |
| 8                       | Chợ Thới An Hội           | Áp Ninh Thới, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách              | 3.900 m <sup>2</sup> |
| 9                       | Chợ Phú Tâm               | Xã Phú Tâm, huyện Châu Thành                             | 1.765 m <sup>2</sup> |
| 10.                     | Chợ Thuận Hòa             | Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành                    | 1.720 m <sup>2</sup> |



| TT | Tên dự án                      | Địa điểm đầu tư                                        | Quy mô                  |
|----|--------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------|
| 11 | Chợ Bồ Tháo                    | Xã An Ninh,<br>huyện Châu Thành                        | 1.969,41 m <sup>2</sup> |
| 12 | Chợ Thiện Mỹ                   | Xã Thiện Mỹ,<br>huyện Châu Thành                       | 1.245,6 m <sup>2</sup>  |
| 13 | Chợ Long Phú                   | Áp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú                | 5.226 m <sup>2</sup>    |
| 14 | Chợ Đại Ngãi                   | Áp Ngãi Hội 1, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú       | 5.263 m <sup>2</sup>    |
| 15 | Chợ Nhu Gia                    | Xã Thạnh Phú,<br>huyện Mỹ Xuyên                        | 2.400 m <sup>2</sup>    |
| 16 | Chợ Mỹ Hương                   | Xã Mỹ Hương,<br>huyện Mỹ Tú                            | 2.719,65 m <sup>2</sup> |
| 17 | Chợ Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa   | Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú                  | 1.203,6 m <sup>2</sup>  |
| 18 | Chợ Phú Lộc                    | Áp 1, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị                | 47.498,7 m <sup>2</sup> |
| 19 | Chợ Hưng Lợi                   | Áp Kinh Ngay II, thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị    | 11.476 m <sup>2</sup>   |
| 20 | Chợ Vĩnh Lợi                   | Áp 15, xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị                    | 10.000 m <sup>2</sup>   |
| 21 | Chợ Lịch Hội Thượng            | Áp Châu Thành, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề | 5.112 m <sup>2</sup>    |
| 22 | Chợ trung tâm huyện Trần Đề    | Áp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề          | 4.500 m <sup>2</sup>    |
| 23 | Chợ chuyên doanh nông thủy sản | Áp Huỳnh Kỳ, Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu             | 30.000 m <sup>2</sup>   |
| 24 | Chợ Trà Cú                     | Khóm 1, Phường 2, thị xã Ngã Năm                       | 535 m <sup>2</sup>      |